TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16 /2021/DS-PT
Ngày 15 – 01– 2021
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Ông Huỳnh Văn Út

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hứa Như Nguyện – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 361/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 331/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1939 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ng:

1. Ông Trần Quốc V, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp B2, xã C, huyện V, tỉnh L.

2. Bà Trần Việt S, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

3. Bà Trần Việt D (đã chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Dũng:

Chị Hoàng Phương Th, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Anh Hoàng Kim G, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh Q, sinh năm 1968 (có mặt);

Nơi ĐKHK: khóm 3, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

Tạm trú: Khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh C..

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q: Ông Lê Anh T là Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Anh T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Đ.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện N, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý rừng phòng hộ Đ: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1962 – Phó trưởng phòng kỹ thuật thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Đ (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Xẻo Mắm, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trần Việt S, sinh năm 1960 (có mặt);

3. Ông Quách Thanh Ch (Quách Minh Ch), sinh năm 1959 (có mặt);

4. Anh Trần Quốc N, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

5. Anh Võ Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt);

6. Chị Cao Thị H, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

- *Người kháng cáo*: Ông Lê Minh Q, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Huỳnh Thị Ng, Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ng trình bày:

Vào ngày 13/11/2000, bà Ng có gửi một đơn xin nhận khoán đất lâm nghiệp đến Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng Đất Mũi, Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi theo chủ trương và chính sách giao đất, giao rừng của Nhà nước để xin hợp đồng nhận giao khoán đất lâm nghiệp với diện tích là 3,08ha thuộc tiểu khu 085 ấp Khai Long, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau và bà Ng đã được cấp số giao nhận khoán đất trên. Sau này, ông Lê Thanh Liêm yêu cầu bà Ng giao lại sổ khoán và đất đã nhận khoán nhưng bà Ng không đồng ý. Vào năm 2003, ông Liêm và ông Lê Minh Q yêu cầu gia đình bà Ng phải giao lại sổ vay vốn ngân hàng và thu hồi đất giao khoán của gia đình bà Ng. Lúc đó, ông Q có trực tiếp đến nhà bà Ng, con bà Ng là Trần Việt S kêu giao sổ vay vốn ngân hàng cho ông Q. Bà Sử không đồng ý thì ông Q nói là Nhà nước thu hồi nếu không giao sẽ bị cưỡng chế giao, sợ ảnh hưởng đến uy tín gia đình nên bà đã giao sổ vay vốn ngân hàng cho ông Q không lập biên bản bàn giao. Bà Sử không biết là gia đình được cấp mấy cuốn sổ giao khoán nhưng bà Sử xác định là đã giao hết sổ hợp đồng giao khoán đất và sổ vay ngân hàng cho ông Q. Thời điểm giao đất, giao sổ nhận khoán gia đình bà nghĩ là Nhà nước thu hồi theo đúng quy định pháp luật. Nhưng theo tìm hiểu thì gia đình bà biết ông Liêm và ông Q thu hồi phần đất giao khoán của gia đình bà là không

đúng quy định vì không có quyết định thu hồi, cũng như gia đình bà không nhận được bất cứ khoản bồi thường nào và ông Q đã trực tiếp sử dụng và khai thác trái phép trên phần đất giao khoán và sổ giao khoán do bà Ng đứng tên.

Nay bà Ng yêu cầu ông Q trả lại sổ giao khoán và phần đất nhận khoán từ Lâm ngư trường với diện tích 3,08ha, tọa lạc tại tiểu khu 085, thửa số 2002, phần đất tranh chấp có giá trị 200.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông Q bồi thường thiệt hại kinh tế trong thời gian gia đình không quản lý đất là 140.000.000 đồng và tiền bồi thường giải tỏa mặt bằng lộ cấp 6 với số tiền 100.000.000 đồng.

Ông Lê Minh Q trình bày:

Ông là người trực tiếp canh tác, quản lý phần đất tranh chấp từ năm 2007 cho đến nay. Từ năm 2003 đến năm 2007, gia đình bà Ng cũng không canh tác, sản xuất, đã bỏ đất 18 năm nay. Việc bà Ng trình bày là ông và Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi gặp bà Ng để thu hồi đất là không đúng. Khi đi công tác ở xã Đất Mũi thì ông biết là gia đình Ông Ch có vay Ngân hàng và nợ xấu. Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi có chủ trương là cấp cho Ông Ch thêm một phần đất nhưng do Ông Ch đã được cấp đất nên cho bà Ng đứng tên phần đất mà Ông Ch được cấp thêm.

Khi có chủ trương thu hồi nợ xấu, Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi có vận động gia đình Ông Ch trả nợ Ngân hàng nhưng gia đình Ông Ch không có khả năng thanh toán nên bà Ng thỏa thuận là để ông trả nợ thay. Khi trả nợ Ngân hàng thì ông căn cứ vào biên bản bàn giao sổ hợp đồng ngày 26/8/2007 để trực tiếp xuống Ngân hàng trả nợ thay cho bà Ng. Sau đó ông đã thực hiện trả vốn được 3.000.000 đồng, lãi là 8.659.000 đồng, còn lại nợ gốc là 7.000.000 đồng. Đến năm 2014, ông Q trả dứt điểm khoản vốn còn lại là 7.000.000 đồng và lãi là 6.514.667 đồng.

Khi ký Biên bản bàn giao sổ hợp đồng giao khoán tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi thì bà Ng trực tiếp ký, khi đó có mặt Ông Ch và có những người chứng kiến. Khi nhận đất canh tác ông có báo lại cho tiểu khu trưởng 085 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Đ biết là ông đã tiếp nhận phần đất từ bà Ng nhưng không có lập biên bản. Khi nhận đất thì phát hiện là đất rừng phòng hộ rất xung yếu nên Ban quản lý không giao cho các hộ dân nên không thực hiện chuyển tên được.

Nay ông không đồng ý trả lại đất vì ông đã canh tác quản lý từ năm 2007 cho đến nay, ông là người trực tiếp đầu tư, cải tạo trên đất, gia đình bà Ng không canh tác cải tạo gì trên đất nên ông sẽ được hưởng các khoản bồi thường của Nhà nước. Do đó, gia đình bà Ng yêu cầu khoản bồi thường 140.000.000 đồng, ông không đồng ý. Đối với khoản tiền bồi thường làm lộ 100.000.000 đồng, bà Ng yêu cầu là do gia đình bà Ng ký và nhận tiền, ông không nhận, ông xác định làm lộ khoảng năm 2010, số tiền bồi thường làm lộ là bao nhiêu ông không biết. Trên phần đất tranh chấp, có các công trình, tài sản, cây trái do ông tạo lập gồm có: 01 căn nhà cất năm; sàn nước liền kề phía sau có chiều ngang 1,9m, chiều dài 2,2m; 01 nhà vệ sinh nền tráng xi măng vách thiếc chiều dài 2,1m, chiều ngang 1,2m; 01 cây cầu chiều dài 7m, chiều ngang 1,2m bằng cây gỗ địa phương, cầu làm vào năm 2008; 05 hầm để nuôi nghêu giống nhưng hiện chưa thả con giống, các hầm đào vào tháng 01/2019 lót bằng ga cao su; 01 hầm gièo tôm cua đào năm 2010 có chiều ngang 9m, chiều dài 4m, độ sâu 0,8m; 10 cây chuối; 01 cây ổi đang cho trái; 01

cây mãng cầu đang cho trái; 01 giếng nước khoan năm 2008; 01 đồng hồ điện lắp năm 2008; 01 cống sổ xây năm 2009. Ngoài ra, còn có cây rừng nhưng có trước khi bà Ng nhận giao khoán và một số cây tạp không có giá trị sử dụng. Nếu có cở sở Tòa án xác định phần đất của bà Ng thì nhà, cây trồng và các tài sản trên đất ông tự tháo dỡ và di dời không yêu cầu giải quyết. Ông xác định giá trị phần đất là 700.000.000 đồng. Hiện ông đang quản lý sổ hợp đồng giao khoán bản gốc tên Huỳnh Thị Ng.

Bà Trần Việt S trình bày:

Bà thống nhất với yêu cầu của mẹ bà là bà Huỳnh Thị Ng trả lại phần đất được Lâm ngư trường nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Đ giao khoán, phần đất đang tranh chấp có diện tích theo đo đạc là 47824.80m^2 thuộc thửa số 2002, tiểu khu 085 tại Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C. Trên phần có các tài sản như ông Q trình bày. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về kinh tế cho bà Ng trong khoảng thời gian ông Q sử dụng, khai thác trên phần đất là 140.000.000 đồng và các khoản do nhà nước bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật mà ông Q đã nhận là 100.000.000 đồng, bà rút lại yêu cầu bồi thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Quách Thanh Ch trình bày:

Vào năm 2007, ông công tác tại Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã Đất Mũi. Trước đây, ông Liêm có gặp ông nói là giao lại phần đất của bà Ng cho ông Q, nhưng ông không đồng ý vì phần đất này thuộc quyền quản lý của bà Ng. Ông Liêm có nói là thu hồi phần đất của bà Ng sẽ cấp cho người khác. Chữ ký tại biên bản "v/v bàn giao sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp và hiện trạng đất tại thực địa ngày 26/8/2007" là chữ ký của ông, ông không tham gia vào cuộc họp bàn giao sổ hợp đồng giao khoán. Ông Ch xác định là không có việc thỏa thuận để ông Q trả nợ thay cho ông.

Đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ Đ ông Vũ Văn T trình bày:

Việc giao dịch giữa ông Q, bà Ng không thông qua Ban quản lý nên Ban Quản lý không nắm được vấn đề này. Trước đây, Ban quản lý giao khoán cho bà Ng phần đất diện tích 3,08ha theo diện gia đình chính sách, thời hạn giao khoán là 20 năm. Phần đất đang tranh chấp hiện tại thuộc rừng phòng hộ rất xung yếu. Trước khi giao đất cho bà Ng đã có cây rừng nhưng cây rừng không được khai thác do là rừng phòng hộ rất xung yếu nên cấm mọi tác động. Phần đất ông Q đang canh tác thì Ban quản lý không thu thuế. Đối với phần đất dôi dư là do trước đây khi giao khoán đo bằng phương thức thủ công nên không chính xác và khi tranh chấp đo đạc bằng máy độ chính xác hơn nên có sự chênh lệch về số liệu. Hợp đồng giao khoán cho bà Huỳnh Thị Ng đã hết hiệu lực từ ngày 19 tháng 11 năm 2020 nên sẽ thanh lý hợp đồng. Ban quản lý rừng phòng hộ Đ không giao khoán tiếp phần đất cho dân do đây là rừng phòng rất xung yếu.

Ông Trần Quốc V trình bày:

Ông là con bà Ng, ông thống nhất với yêu cầu của bà Ng yêu cầu ông Q trả lại phần đất được giao khoán.

Anh Hoàng Kim G, chị Hoàng Phương Th thống nhất trình bày:

Anh, chị là con bà Trần Việt D, bà Dũng đã chết. Anh, chị là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Dũng. Anh, chị yêu cầu ông Q trả lại phần đất mà bà Ng được giao khoán.

Anh Trần Quốc N trình bày:

Anh là cháu nội của bà Ng và có nhân khẩu với bà Ng tại thời điểm bà Ng được giao khoán đất lâm nghiệp. Anh thống nhất với yêu cầu của bà Ng, anh yêu cầu ông Q trả lại phần đất của bà Ng được giao khoán.

Anh Võ Văn T và chị Cao Thị H thống nhất trình bày:

Anh chị là người ở trên phần đất tranh chấp do ông Q nhờ giữ vuông, anh chị không đầu tư cải tạo gì trên đất. Việc tranh chấp giữa bà Ng và ông Q anh chị không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:30/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ng về việc yêu cầu ông Lê Minh Q trả lại phần đất được giao khoán và sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp. Buộc ông Lê Minh Q trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Ng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 47.824.5 m^2 (có sơ đồ đo đạc kèm theo) và sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp do bà Huỳnh Thị Ng đứng tên chủ hộ vào năm 2000.

Buộc ông Lê Minh Q tháo dỡ, di dời các tài sản và cây trồng có trên phần đất tranh chấp gồm: 01 căn nhà cất năm 2017 có chiều ngang 5,8m, chiều dài 8,9m, sàn lót cây gỗ Miền Đồng 70%, còn lại 30% là cây gỗ địa phương, lợp tol tiplô 70% còn lại 30% lợp tol sóng vuông, vách phía Nam dừng bằng lá dài 2,45m phần còn lại dừng bằng tol sóng vuông dài 3,45m, vách phía Bắc dừng bằng lá dài 4,4m phần còn lại dừng bằng tol sóng vuông dài 3,45m; sàn nước liền kề phía sau có chiều ngang 1,9m, chiều dài 2,2m; 01 nhà vệ sinh nền tráng xi măng vách thiết chiều dài 2,1m, chiều ngang 1,2m; 01 cây cầu chiều dài 7m, chiều ngang 1,2m bằng cây gỗ địa phương, cầu làm vào năm 2008; 10 cây chuối trong đó có 02 cây đang cho trái, còn lại chưa cho trái; 01 cây ổi đang cho trái; 01 cây mãng cầu đang cho trái; 01 giếng nước khoan năm 2008; 01 đồng hồ điện lắp năm 2008.

Buộc ông Lê Minh Q có nghĩa vụ trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Huỳnh Thị Ng số tiền đo đạc và giám định chữ ký là 18.737.000 (Mười tám triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Huỳnh Thị Ng về việc yêu cầu ông Lê Minh Q bồi thường số tiền 140.000.000 đồng về thiệt hại kinh tế và tiền làm lộ số tiền 100.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Việt S về việc đồng ý thanh toán cho ông Lê Minh Q số tiền 25.169.667 (Hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2020, ông Lê Minh Q có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ng buộc ông giao trả phần đất có diện tích là 47824,5 m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền ông Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q, Luật sư Lê Anh T tranh luận: Phần đất tranh chấp là đất rừng phòng hộ được Ban quản lý rừng phòng hộ Đ giao khoán cho bà Huỳnh Thị Ng vào năm 2000. Năm 2007, bà Ng đã thỏa thuận giao phần đất trên cho ông Q, ông Q trả nợ thay cho bà Ng. Ông Q đã canh tác, xây dựng công trình kiến trúc trên đất từ năm 2007 đến nay . Bà Ng không còn canh tác trên đất kể từ khi giao lại cho ông Q và khi giao đất trên, bà Ng không có xây dựng công trình kiến trúc nào trên đất. Biên bản thỏa thuận là có thực tế vì đã được Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi chứng kiến, chứng thực. Tòa án cấp sơ thẩm có xác minh ông Phan Hải Quân, ông Lê Thanh Liêm là những người công tác tại địa phương đều xác nhận có việc thỏa thuận giao đất giữa bà Ng với ông Q. Ông Q đã nhận đất từ năm 2007 và ông Q đã thực hiện việc trả nợ thay bà Ng. Ngoài ra, Ông Ch là con rể của bà Ng có ký tên vào biên bản thỏa thuận năm 2007, với tư cách là Thư ký ghi biên bản. Do đó, có cơ sở để xác định bà Ng đã giao phần đất tranh chấp lại cho ông Q. Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Q. Sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q, ông Phan Hoàng B tranh luận bổ sung: Bà Sử thừa nhận có giao trả toàn bộ số và phần đất được giao khoán cho Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi từ năm 2003 nên bà Ng, bà Sử không có quyền khởi kiện đòi phần đất tranh chấp. Việc bà Ng đứng tên trong hợp đồng giao khoán là đứng tên thay cho Ông Ch là con rể của bà Ng.

Bà Trần Việt S tranh luận: Ông Ch là rể nên ông Ch không có quyền ký tên thay cho bà Ng. Bà Ng không có ký tên vào biên bản thỏa thuận giao đất nên yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông Quách Thanh (Minh) Ch không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh Q. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS- ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Minh Q kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm với các lý do: Thứ nhất, bà Huỳnh Thị Ng giao đất là hoàn toàn tự nguyện. Thứ hai, bà Ng

trình bày, năm 2003 ông Liêm và ông ép gia đình bà Ng giao sổ giao khoán là không đúng vì sổ giao khoán đã thế chấp vay Ngân hàng. Thứ ba, ông đã sử dụng đất ổn định từ năm từ năm 2007 đến nay nhưng gia đình bà Ng không có ý kiến gì. Thứ tư, biên bản thỏa thuận ngày 26 tháng 8 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi về bàn giao sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp và hiện trạng thực địa là có thật vì có đại diện Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi ký tên, đóng dấu. Xét kháng cáo của ông Q, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Các đương sự tranh chấp với nhau về quyền sử dụng phần đất rừng do bà Ng nhận giao khoán từ Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng Đất Mũi (Nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Đ) vào ngày 19 tháng 11 năm 2000, diện tích 3,08 ha, theo đo đạc thực tế diện tích 47.824,80 m^2, tọa lạc Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C. Hiện nay phần đất này do Ban quản lý rừng phòng hộ Đ quản lý.

[3] Biên bản thỏa thuận ngày 26 tháng 8 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi về bàn giao sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp và hiện trạng thực địa thể hiện: Bà Ng và ông Q thỏa thuận, bà Ng giao sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp và phần đất diện tích 3,08 ha thuộc thửa 2002, khoảnh 92, tiểu khu 085 (phần đất tranh chấp) cho ông Q. Ông Q có nghĩa vụ trả số tiền vốn, lãi 17.000.000 đồng mà bà Ng đã vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Ngọc Hiển. Tuy, chữ ký Nghi trong thỏa thuận trên so sánh với các mẫu chữ ký của bà Ng được kết luận giám định không phải do cùng một người ký ra nhưng ông Quách Minh Ch (Quách Thanh Chiến) là con rể bà Ng là thư ký ghi biên bản thỏa thuận ngày 26 tháng 8 năm 2007. Hơn nữa, sau khi thỏa thuận thì gia đình bà Ng, cụ thể là bà Trần Việt S đã giao sổ vay vốn của bà Ng cho ông Q. Ông Q đã tiến hành trả nợ vay của bà Ng xong và cũng từ năm 2007, ông Q vào canh tác trên phần đất như cất nhà, trồng cây, canh tác, cải tạo trên đất, gia đình bà Ng không có ý kiến gì. Như vậy, việc thỏa thuận giữa bà Ng và ông Q là có thực tế.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Sử thừa nhận khi Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi yêu cầu giao trả đất thì bà có báo cho bà Ng biết thì bà Ng cũng đồng ý giao lại các giấy tờ liên quan đến đất giao khoán cho Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi, đồng thời bà có nói lại cho Ông Ch hay, Ông Ch cũng không có ý kiến gì. Bà Sử cũng thừa nhận khi giao lại đất thì không có nhà hay công trình kiến trúc, cũng không có trồng cây trên đất. Như vậy từ năm 2003, gia đình bà Ng đã biết và đồng ý giao trả lại đất và cũng không canh tác trên đất. Ông Q là người canh tác, cải tạo đất từ năm 2007 đến nay.

[5] Mặt khác, Sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp của Ban quản lý rừng phòng hộ Đ cho bà Ng hết hiệu lực ngày 19/11/2020. Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 08 tháng 01 năm 2021, của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Ban quản lý rừng phòng hộ Đ xác định: Phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Đ. Năm 2007, Ban quản lý biết ông Q canh tác trên đất giao khoán cho bà Ng đến nay nhưng Ban quản lý chưa chuyển tên cho ông Q. Hiện nay hợp đồng giao khoán đất với bà Ng hết hiệu lực nên Ban quản lý sẽ thu hồi sổ giao khoán, thanh lý hợp đồng và không thực hiện việc giao khoán tiếp cho ai. Như vậy, phần đất tranh chấp là đất rừng phòng hộ thuộc quyền quản lý của Ban quản lý rừng

phòng hộ Đ. Ban quản lý rừng phòng hộ Đ mới có quyền giao khoán cho ai, giao khoán hay không nên những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ng yêu cầu ông Q trả phần đất tranh chấp cho bà Ng là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với số tiền vốn và lãi, bà Ng vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Ngọc Hiển, ông Q đã trả thay cho bà Ng. Việc ông Q trả nợ thay cho bà Ng là dựa vào sự thỏa thuận ngày 26 tháng 8 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi. Ông Q nhận đất và trả nợ thay để thực hiện thỏa thuận trên nên không buộc người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Ng phải trả cho ông Q số tiền 25.169.667 (Hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

[7] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh Q. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số:30/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển tỉnh Cà Mau như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[8] Chi phí tố tụng gồm chi phí đo đạc và giám định chữ ký số tiền là 18.737.000 đ. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ng tự chịu (đã nộp xong).

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Ng không được chấp nhận nên những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn phải chịu. Ông Q không phải chịu.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Minh Q không phải chịu, có nộp được nhận lại. .

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh Q

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ng về việc yêu cầu ông Lê Minh Q trả lại phần đất được giao khoán có diện tích theo đo đạc thực tế là 47824.5 m^2 (có sơ đồ đo đạc kèm theo) và sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp do bà Huỳnh Thị Ng đứng tên chủ hộ vào năm 2000.

Chi phí tố tụng số tiền là 18.737.000đồng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ng :ông Trần Quốc V, bà Trần Việt S, chị Hoàng Phương Th, anh Hoàng Kim G tự chịu số tiền (đã nộp xong).

Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Huỳnh Thị Ng về việc yêu cầu ông Lê Minh Q bồi thường số tiền 140.000.000 đồng về thiệt hại kinh tế và tiền làm lộ số tiền 100.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm : Ông Trần Quốc V, bà Trần Việt S, chị Hoàng Phương Th, anh Hoàng Kim G phải chịu số tiền là 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Minh Q không phải chịu. Ngày 12/10/2020, ông Q có nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006365 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;*
- *Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Trung